TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** **TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 193/2018/QĐST-HNGĐ	*Thanh Trì, ngày 27 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 236/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: ***Chị Triệu Thị M – Sinh năm: 1984***

Trú tại: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: ***Anh Dương Đức C – sinh năm 1972***

Trú tại: Thôn L, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa

Chị Triệu Thị M và anh Dương Đức C

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Chị Triệu Thị M và anh Dương Đức C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Triệu Thị M và anh Dương Đức C xác nhận có 01 con chung là cháu Dương Hải N - sinh ngày 03/10/2010. Ly hôn, chị M và anh C thống nhất chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N. Chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét.

- **Về công nợ chung:** Anh chị xác nhận không có, tự nguyện không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- **Về tài sản chung, nhà đất chung:** Anh C và chị M xác nhận có một khối tài sản chung trị giá 40 triệu đồng. Chị M đồng ý thanh toán đủ cho anh C 40 triệu đồng. Anh C, chị M đồng ý với lộ trình thanh toán: Lần đầu tiên chị M thanh toán trước 10 triệu đồng, sau 15 ngày kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Số tiền còn lại được thanh toán thành 3 đợt, mỗi đợt là 3 tháng kể từ ngày thanh toán đầu tiên. Ngoài ra, anh chị không còn yêu cầu nào khác.

- Về án phí: Chị Triệu Thị M tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị M đã nộp tại biên lai số AA/2016/0008044 ngày 26/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tranh Trì. Hoàn trả chị M số tiền 150.000 đồng. Anh C phải nộp 1.000.000 đồng án phí về phần tài sản.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

BÙI ANH TUẤN